

Câu 1. Cơ sở thực tiễn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh: Bối cảnh lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu XX. Vận dụng : ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh với sinh viên.

a. Cơ sở thực tiễn

Xã hội Việt Nam trước khi thực dân Pháp xâm lược là xã hội phong kiến độc lập, tự chủ với nền nông nghiệp lạc hậu, trì trệ. Chính quyền nhà Nguyễn đã thi hành những chính sách đối nội, đối ngoại bảo thủ, trì trệ, do đó đã không phát huy được những thế mạnh của dân tộc, không tạo ra tiềm lực vật chất và tinh thần để bảo vệ Tổ quốc, chống lại âm mưu xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây.

Từ năm 1858 đến cuối thế kỷ XIX, các phong trào nông dân chống Pháp lần lượt diễn ra ở ba miền Bắc, Trung, Nam. Những cuộc khởi nghĩa vũ trang chống thực dân Pháp dưới danh nghĩa “Cần vương” do các sĩ phu, văn thân phong kiến lãnh đạo đã diễn ra rầm rộ và lan rộng trong cả nước nhưng cuối cùng đều thất bại. Năm 1887, sau khi hoàn thành căn bản việc bình định Việt Nam về mặt quân sự, thực dân Pháp bắt tay vào việc khai thác thuộc địa ở Việt Nam một cách mạnh mẽ và từng bước biến nước ta từ một nước phong kiến thành nước thuộc địa nửa phong kiến.

Đầu thế kỷ XX, chịu ảnh hưởng từ các cuộc vận động cải cách ở Nhật Bản và Trung Quốc, các phong trào yêu nước của Nhân dân ta chuyển dần sang xu hướng dân chủ tư sản, theo hai khuynh hướng: bạo động của Phan Bội Châu và cải lương của Phan Châu Trinh. Tiếp đến, năm 1930, diễn ra cuộc cách mạng tư sản của tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng do Nguyễn Thái Học đứng đầu.

Như vậy, từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam đến những năm 30 của thế kỷ XX, các phong trào yêu nước của Nhân dân ta đã diễn ra dưới nhiều ngọn cờ khác nhau, với nhiều hình thức đấu tranh khác nhau, nhưng cuối cùng tất cả các phong trào đều thất bại. Điều đó chứng tỏ các con đường đó chưa đáp ứng được yêu cầu của lịch sử. Các giai tầng trong xã hội chưa đủ sức đảm đương nhiệm vụ lịch sử. Yêu cầu lịch sử đặt ra là: cần phải có một con đường cứu nước mới để giải phóng dân tộc. Trước yêu cầu ấy, Nguyễn Tất Thành rời quê hương, ra đi tìm đường cứu nước: “Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”.

b. Vận dụng

Đối với sinh viên, đội ngũ trí thức tương lai của nước nhà, việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, gắn liền với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập vào đời sống toàn cầu.

Nâng cao năng lực tư duy Lý luận và phương pháp công tác

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho Đảng và nhân dân Việt Nam trên con đường thực hiện mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Thông qua việc làm rõ và truyền thụ nội dung hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, làm cho sinh viên nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí tư tưởng Hồ

Chí Minh đối với đời sống cánh mạng Việt Nam; làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ nước ta.

Thông qua học tập nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh để bồi dưỡng, củng cố cho sinh viên, thanh niên lập trường, quan điểm cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta; biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, rèn luyện bản lĩnh chính trị. Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần giáo dục đạo đức, tư cách, phẩm chất cách mạng, biết sống ở đời và làm người hợp đạo lý, yêu cái tốt, cái thiện, ghét cái ác, cái xấu; nâng cao lòng tự hào về Người, về Đảng Cộng sản Việt Nam, tự nguyện “sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

Trên cơ sở kiến thức đã được học, sinh viên vận dụng vào cuộc sống, tu dưỡng, rèn luyện bản thân, hoàn thành tốt chức trách của mình, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng, con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn. Đối với sinh viên, giáo dục tư tưởng, văn hóa, đạo đức Hồ Chí Minh là giáo dục lý luận sống, đạo làm người, hoàn thiện nhân cách cá nhân, trang bị cho họ trí tuệ và phương pháp tư duy biện chứng để họ trở thành những chiến sĩ đi tiên phong trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng một nước Việt Nam đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như mong muốn và khát vọng của Hồ Chí Minh.

Câu 2. Quan điểm Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc (không thi về CM giải phóng dân tộc). Vận dụng: liên hệ với vai trò trách nhiệm của SV trong việc bảo vệ độc lập dân tộc.

a. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc:

Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc:

Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam từ ngàn xưa đến nay gắn liền với truyền thống yêu nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Điều đó nói lên một khát khao to lớn của dân tộc ta là có được một nền độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân và đó cũng là một giá trị tinh thần thiêng liêng, bất hủ của dân tộc mà Hồ Chí Minh là hiện thân cho tinh thần ấy. Người nói rằng, cái mà tôi cần nhất trên đời là đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập.

Tại Hội nghị ở Vécxây (Pháp) năm 1919, Hồ Chí Minh đã gửi tới Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam, với hai nội dung chính là đòi quyền bình đẳng về mặt pháp lý và đòi các quyền tự do, dân chủ. Tuy nhiên bản yêu sách không được Hội nghị chấp nhận nhưng qua đó cho thấy lần đầu tiên, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền của các dân tộc thuộc địa mà trước hết là quyền bình đẳng và tự do đã hình thành.

Trong Chánh cương vắn tắt của Đảng năm 1930, Hồ Chí Minh cũng đã xác định mục tiêu chính trị của Đảng là đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến và làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, trong Tuyên ngôn Độc lập,

Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trình trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy.”

Ý chí và quyết tâm trên còn được thể hiện trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam lần thứ hai, trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19-12-1946, Người ra lời hiệu triệu, thể hiện quyết tâm sắt đá, bảo vệ cho bằng được nền độc lập dân tộc - giá trị thiêng liêng mà nhân dân Việt Nam mới giành được: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Năm 1965, đế quốc Mỹ tăng cường mở rộng chiến tranh ở Việt Nam. Trong hoàn cảnh khó khăn, chiến tranh ác liệt đó, Hồ Chí Minh đã nêu lên một chân lý thời đại, một tuyên ngôn bất hủ của các dân tộc khao khát nền độc lập, tự do trên thế giới “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Với tư tưởng trên của Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu, đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, buộc chúng phải ký kết Hiệp định Paris, cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta.

Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân:

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải gắn với tự do của nhân dân. Người đánh giá cao học thuyết “Tam dân” của Tôn Trung Sơn về độc lập và tự do: dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Và bằng lý lẽ đầy thuyết phục, trong khi viển vông bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791, Hồ Chí Minh khẳng định dân tộc Việt Nam đương nhiên cũng phải được tự do và bình đẳng về quyền lợi: “Đó là lẽ phải không ai chối cãi được”. Người nói: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”.

Ngoài ra, độc lập cũng phải gắn với cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân. Ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trong hoàn cảnh nhân dân đói rét, mù chữ. . . , Hồ Chí Minh yêu cầu phải cố gắng để cho nhân dân ai cũng có cái ăn cái mặc, ai cũng có chỗ ở và được học hành.

Có thể thấy rằng, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, Người luôn coi độc lập gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm cho nhân dân, như Người từng bộc bạch đầy tâm huyết: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”.

Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để:

Trong quá trình đi xâm lược các nước, bọn thực dân đế quốc hay dùng chiêu bài mị dân, thành lập các chính phủ bù nhìn bán xứ, tuyên truyền cái gọi là “độc lập tự do” giả hiệu cho nhân dân các nước thuộc địa nhưng thực chất là nhằm che đậy bản chất “ăn cướp” và “giết người” của chúng.

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải là độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để trên tất cả các lĩnh vực. Người nhấn mạnh: độc lập mà người dân không có quyền tự quyết về ngoại giao,

không có quân đội riêng, không có nền tài chính riêng. . . . , thì độc lập đó chẳng có ý nghĩa gì. Trên tinh thần đó và trong hoàn cảnh đất nước ta sau Cách mạng Tháng Tám còn gặp nhiều khó khăn, Người đã thay mặt Chính phủ ký với đại diện Chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946, theo đó: “Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do có Chính phủ của mình, Nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình”.

Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ:

Trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc, dân tộc ta luôn đứng trước âm mưu chia cắt đất nước của kẻ thù. Thực dân Pháp khi xâm lược nước ta đã chia đất nước ta ra ba kỳ, mỗi kỳ có chế độ cai trị riêng. Trong hoàn cảnh đó, trong bức Thư gửi đồng bào Nam Bộ (1946), Hồ Chí Minh khẳng định: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết, đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền, Hồ Chí Minh tiếp tục kiên trì đấu tranh để thống nhất Tổ quốc. Trong Di chúc, Người cũng đã thể hiện niềm tin tuyệt đối vào sự thắng lợi của cách mạng, vào sự thống nhất nước nhà: “Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bộ nhất định sẽ sum họp một nhà”. Có thể khẳng định rằng tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất Tổ quốc, toàn vẹn lãnh thổ là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

b. Trách nhiệm của sinh viên trong việc bảo vệ độc lập dân tộc

Nhận thức về độc lập dân tộc: hiểu rõ hơn về tư tưởng độc lập dân tộc và vai trò của Hồ Chí Minh trong việc đưa đất nước Việt Nam đến với độc lập tự do. Bên cạnh đó, theo tư tưởng của Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc là quyền của mỗi quốc gia và mỗi dân tộc, là một giá trị cốt lõi của con người, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự phát triển và tiến bộ của xã hội. Chính vì thế mà sinh viên cần đưa ra những quan điểm chính xác về độc lập dân tộc, sinh viên cần phải nắm vững các nguyên tắc và giá trị của độc lập dân tộc, bao gồm cả tôn trọng và bảo vệ quyền tự quyết của mỗi quốc gia và mỗi dân tộc sự công bằng và bình đẳng cho tất cả các thành viên trong cộng đồng dân tộc. Sinh viên cần đặt sự tôn trọng và bảo vệ quyền con người lên hàng đầu, đảm bảo sự công bằng và bình đẳng cho tất cả các thành viên trong cộng đồng dân tộc. Đồng thời sinh viên cần phải luôn tìm cách đối thoại và hợp tác với các quốc gia và dân tộc khác trong khu vực và trên thế giới để xây dựng một thế giới hòa bình chính trị ổn định và phát triển bền vững.

Trách nhiệm của sinh viên trong việc bảo vệ độc lập dân tộc thể hiện như thế nào

Sinh viên cần có tri thức hiểu biết về những vấn đề có liên quan đến sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, bao gồm hiểu biết về đất nước và con người các dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam, hiểu biết về lịch sử truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc, hiểu biết về Đảng Cộng sản, về nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân do dân và vì dân về chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng.

Sinh viên sinh viên cần phải cảnh giác tích cực trong đấu tranh với những hành động sai trái, không để các thế lực thù địch, các phần tử chống đối lợi dụng mình để thực hiện diễn biến hòa bình, phát hiện những tổ chức người có hành vi tuyên truyền lôi kéo sinh viên tham gia các hoạt động trái quy định của Pháp luật, nhằm chống lại Đảng Nhà nước để bảo báo cho lãnh đạo của trường chính quyền và các cơ quan bảo vệ pháp luật biết.

Sinh viên cần tích cực tự giác tham gia các hoạt động cụ thể để bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự và an toàn xã hội, tham gia xây dựng nếp sống văn minh trật tự ngay trong trường học ký túc xá và khu vực dân cư mà mình sinh sống, bảo vệ môi trường, giúp đỡ các cơ quan chuyên trách trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội

Sinh viên cần tăng cường rèn luyện thể lực, học tập tốt môn học giáo dục quốc phòng an ninh, góp phần chuẩn bị cho lực lượng sẵn sàng chiến đấu bảo vệ tổ quốc và giữ gìn trật tự an toàn xã hội

Sinh viên cần tích cực học tập để nâng cao hiểu biết về toàn vẹn lãnh thổ và tuyên truyền những điều đúng đắn cho mọi người xung quanh. Mỗi sinh viên phải nắm chắc đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Câu 3. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng: tập trung dân chủ, Tự phê bình và phê bình, Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn. Vận dụng: ý nghĩa của các nguyên tắc này trong xây dựng Đảng hiện nay.

a. Tập trung dân chủ.

Đây là nguyên tắc tổ chức cơ bản nhất để xây dựng Đảng trở thành một tổ chức chặt chẽ vừa phát huy được sức mạnh của mỗi người, vừa phát huy được sức mạnh của tập thể.

Tập trung: là thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên; bộ phận phục tùng toàn thể, địa phương phục tùng Trung ương, mọi đảng viên phải chấp hành vô điều kiện Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Dân chủ: là tạo điều kiện để mọi đảng viên phát biểu ý kiến, trình bày sáng kiến, có quyền bảo lưu ý kiến; phải thật sự mở rộng dân chủ để tất cả đảng viên bày tỏ ý kiến của mình.

Theo Hồ Chí Minh, “tập trung” và “dân chủ” là hai mặt của một vấn đề, có mối quan hệ biện chứng với nhau. Tập trung và dân chủ luôn thống nhất, gắn bó chặt chẽ: Tập trung trên cơ sở dân chủ nhằm chống quan liêu, độc đoán chuyên quyền. Dân chủ đề đi tới tập trung, là cơ sở của tập trung chứ không phải vô tổ chức, tùy tiện, phân tán. Tập trung trên nền tảng dân chủ và dân chủ phải dưới sự chỉ đạo của tập trung; phải chống thói vô chính phủ. Điều kiện tiên quyết khi thực hiện nguyên tắc này là tổ chức đảng phải trong sạch, vững mạnh. Theo Người, nguyên tắc này quan hệ mật thiết với nguyên tắc “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách”, “tập thể lãnh đạo là dân chủ, cá nhân phụ trách là tập trung”. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là dân chủ tập trung.

Khi xây dựng nghị quyết, đường lối, chính sách phải được tập thể bàn bạc, thảo luận. Hồ Chí Minh giải thích: Một người khôn ngoan, tài giỏi đến mấy, kinh nghiệm đến đâu cũng chỉ trông thấy, xem xét được một hoặc một số mặt của vấn đề, không thể xem xét được tất cả mọi mặt của vấn đề. Vì vậy, cần phải có nhiều người góp kinh nghiệm và sự xem xét của nhiều người thì vấn đề mới được thấy rõ mọi mặt, “khôn bằng hơn khôn độc”. Lãnh đạo không tập thể sẽ dẫn tới độc đoán, bao biện, kết quả là hỏng việc.

Khi tập thể đã thảo luận, góp ý kiến, đã thành nghị quyết thì theo đó mà thi hành.

Thực hiện cá nhân phụ trách nghĩa là: "Việc gì đã được đông người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho một người hoặc một nhóm người phụ trách theo kế hoạch mà làm, như thể công việc mới chạy". "Không cá nhân phụ trách sẽ sinh ra tệ người này ủy cho người kia không ai thi hành". Kết quả là "việc gì cũng không xong". Dân gian nói: "Cha chung không ai khóc", "nhiều sãi không ai đóng cửa chùa" là như vậy.

Thực hiện nguyên tắc này phải linh hoạt: "Không thể việc nhỏ nhặt vụn vặt cũng chờ tập thể bàn bạc"; không thể vin vào trách nhiệm cá nhân "để lẩn át tập thể, dẫn đến độc đoán chuyên quyền".

b. Tự phê bình và phê bình

Theo Hồ Chí Minh đây cũng là nguyên tắc sinh hoạt của Đảng, là quy luật phát triển của Đảng.

Phê bình là nêu ưu điểm và khuyết điểm của đồng chí mình. Tự phê bình là nêu ưu điểm và khuyết điểm của bản thân mình. Tự phê bình và phê bình là để nhận rõ ưu khuyết điểm của mình và đồng chí mình để có hướng phát huy và khắc phục. Theo Hồ Chí Minh: "Một đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, xem khuyết điểm đó từ đâu tới rồi tìm mọi cách sửa chữa. Nó mới là một Đảng mạnh dạn, chắc chắn chân chính

Với mỗi cán bộ, đảng viên Hồ Chí Minh nói: "Người đời không phải thánh thần, không ai tránh khỏi khuyết điểm"³⁸. Phải tự phê bình trước, phải biết mình phải quay chỗ nào trước rồi phê bình người khác. "Tiên trách kỷ,

hậu trách nhân" phải hiểu là như vậy.

Mục đích của phê bình và tự phê bình: là để giúp nhau tiến bộ, giúp nhau sửa chữa khuyết điểm; làm cái ác mất dần đi, cái thiện nảy nở sinh sôi, để làm việc tốt hơn; toàn Đảng sẽ dần hết khuyết điểm, ưu điểm ngày càng nhiều thêm.

Thái độ, tinh thần tự phê bình: Triệt để, thật thà, không nê nang, không thêm bớt; phải có tinh thần nhân ái, "phê bình việc làm chứ không phê bình người"; "không soi mói chua cay, mỉa mai, đâm thọc"; không phải đập cho tới bở, không trù dập người phê bình mình.

Phương pháp phê bình: Công khai có tổ chức; phải thực sự dân chủ, mềm dẻo, khéo léo; phải cụ thể, chính xác, nói có sách, mách có chứng.

Phê bình trong nội bộ đảng đồng thời phải tự phê bình trước quần chúng. Người nói: dân ta rất tốt, ai có khuyết điểm mà thành thật tự phê bình trước dân, quyết tâm sửa chữa thì dân sẵn sàng tha cho.

Tự phê bình, phê bình phải thường xuyên như hàng ngày rửa mặt

c. Vận dụng

Đảng phải nhận thức sâu sắc hơn nữa tầm quan trọng, giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc tập trung dân chủ. Vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Đảng hiện nay, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, cần phải "Kiên định những nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng", mà ở đó, nguyên tắc tập trung dân

chủ phải là nguyên tắc cao nhất, là chế độ lãnh đạo trong sự vận hành của cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”.

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng cần chú trọng, tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền; giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng; nâng cao lập trường, bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên. Thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức xây dựng Đảng; các cơ chế, quy định của Đảng về dân chủ và phát huy dân chủ ở cơ sở, bảo đảm phát huy trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân trong xây dựng và hoàn thiện chủ trương, đường lối, chính sách và tổ chức thực hiện; bảo đảm sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự đoàn kết và đồng thuận trong xã hội

Câu 4. Tư tưởng hồ chí minh về nhà nước : Nhà nước dân chủ , Nhà nước pháp quyền. Vận dụng với việc xây dựng nhà nước ta hiện nay.

a. Tư tưởng hồ chí minh về Nhà nước pháp quyền

Thứ nhất, nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước hiến pháp, hợp pháp.

Nhà nước ta được nhân dân tổ chức thông qua tổng tuyển cử, được xây dựng và hoạt động theo các nguyên tắc của hiến pháp.

Hồ Chí Minh nêu ra và thực hiện điều này ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền thuộc về nhân dân. Sau khi giành chính quyền trong cả nước, Hồ Chí Minh đã thay mặt chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập tuyên bố với quốc dân đồng bào và thế giới về sự khai sinh của nước Việt Nam mới. Nhờ đó, chính phủ lâm thời do cuộc cách mạng của nhân dân ta lập ra có được địa vị hợp pháp.

Tiếp đó, trong phiên họp đầu tiên của chính phủ lâm thời (ngày 3-9-1945), Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ tổ chức sớm cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu để lập nên Quốc hội rồi từ đó lập ra Chính phủ và các cơ quan, bộ máy hợp hiến thể hiện quyền lực tối cao của nhân dân. Ngày 2-3-1946, Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã họp phiên đầu tiên, lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của nhà nước. Đây chính là Chính phủ có đầy đủ tư cách pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại của nước ta.

Thứ hai, nhà nước ta là nhà nước thượng tôn pháp luật.

Hồ Chí Minh luôn chú trọng vấn đề xây dựng nền tảng pháp lý cho Nhà nước Việt Nam mới. Người đã sớm thấy rõ tầm quan trọng của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống chính trị - xã hội. Điều này thể hiện trong bản Yêu sách của nhân dân An Nam: đòi quyền bình đẳng về chế độ pháp lý cho người An Nam. Sau này, khi trở thành người đứng đầu Nhà nước Việt Nam mới, Người càng quan tâm sâu sắc hơn việc bảo đảm cho Nhà nước được tổ chức và vận hành phù hợp với pháp luật, đồng thời, căn cứ vào pháp luật để điều hành xã hội.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước quản lý xã hội bằng bộ máy nhà nước và nhiều biện pháp khác nhau, nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng Hiến pháp và pháp luật nói chung. Muốn vậy, trước hết, cần làm tốt công tác lập pháp.

Cùng với công tác lập pháp, chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống, đảm bảo cho pháp luật được thi hành và có cơ chế giám sát việc thi hành pháp luật. Người chỉ rõ sự cần thiết phải nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực sử dụng pháp luật cho người dân, giáo dục ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật trong nhân dân. Người cho rằng công tác giáo dục pháp luật cho mọi người, đặc biệt là thế hệ trẻ trở nên cực kì quan trọng trong việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền, đảm bảo mọi quyền và nghĩa vụ của công dân được thực thi trong cuộc sống.

Hồ Chí Minh luôn nêu cao tính nghiêm minh của pháp luật. Điều đó đòi hỏi pháp luật phải đúng và phải đủ; tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho mọi người dân; người thực thi pháp luật phải thật sự công tâm, nghiêm minh.

Người còn luôn luôn khuyến khích nhân dân phê bình, giám sát công việc của nhà nước, giám sát quá trình nhà nước thực thi pháp luật, đồng thời không ngừng nhắc nhở cán bộ các cấp, các ngành phải gương mẫu trong việc thực thi pháp luật, trước hết là các cán bộ thuộc ngành hành pháp và tư pháp.

Thứ ba, nhà nước ta là nhà nước pháp quyền nhân nghĩa.

Pháp quyền nhân nghĩa tức là trước hết Nhà nước phải tôn trọng, đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền con người, chăm lo đến lợi ích hợp pháp của mọi người. Người đề cập đến các quyền tự nhiên của con người, trong đó có quyền cao nhất là quyền sống, đồng thời cũng đề cập đến các quyền chính trị - dân sự, quyền kinh tế, văn hoá, xã hội của con người. Hiến pháp của đất nước đã ghi nhận một cách toàn diện quyền con người ở Việt Nam. Đó là nền tảng pháp lý để bảo vệ và thực thi các quyền con người đó một cách triệt để.

Trong pháp quyền nhân nghĩa, pháp luật có tính nhân văn, khuyến thiện. Tính nhân văn của hệ thống pháp luật thể hiện ở việc ghi nhận đầy đủ và bảo vệ quyền con người, ở tính nghiêm minh nhưng khách quan và công bằng. Đặc biệt, hệ thống pháp luật đó có tính khuyến thiện, bảo vệ cái đúng, cái tốt, lấy mục đích giáo dục, cảm hoá, thức tỉnh con người làm căn bản. Nói cách khác, pháp luật trong Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa phải là pháp luật vì con người.

b. Tư tưởng hồ chí minh về xây dựng nhà nước dân chủ

Bản chất giai cấp của nhà nước

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam là nhà nước dân chủ, nhưng tuyệt nhiên nó không phải là “Nhà nước toàn dân”, hiểu theo nghĩa là nhà nước phi giai cấp. Nhà nước ở đâu và bao giờ cũng mang bản chất của một giai cấp nhất định. Nhà nước Việt Nam mới – Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là một nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước Việt Nam thể hiện trên mấy phương diện:

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vị trí và vai trò cầm quyền. Lời nói đầu của bản Hiến pháp năm 1959 khẳng định: “Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”. Ngay trong quan điểm về nhà nước dân chủ, nhà nước do nhân dân là người chủ nắm chính quyền, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh nòng cốt

của nhân dân là liên minh công – nông – trí, do giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đảng cầm quyền bằng phương thức thích hợp sau đây: (1) Bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, chính sách, kế hoạch; (2) Bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan nhà nước; (3) Bằng công tác kiểm tra.

Hai là, bản chất giai cấp của Nhà nước Việt Nam thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển đất nước. Đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu cách mạng nhất quán của Hồ Chí Minh. Việc giành lấy chính quyền, lập nên Nhà nước Việt Nam mới, chính là để giai cấp công nhân và nhân dân lao động có được một tổ chức mạnh mẽ nhằm thực hiện mục tiêu nói trên.

Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ. Hồ Chí Minh rất chú ý đến cả hai mặt dân chủ và tập trung trong tổ chức và hoạt động của tất cả bộ máy, cơ quan nhà nước. Người nhấn mạnh đến sự cần thiết phải phát huy cao độ dân chủ, đồng thời cũng nhấn mạnh phải phát huy cao độ tập trung, Nhà nước phải tập trung thống nhất quyền lực để tất cả mọi quyền lực thuộc về nhân dân.

Trong Nhà nước Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc. Hồ Chí Minh là người giải quyết rất thành công mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp trong cách mạng Việt Nam. Trong tư tưởng của Người về Nhà nước mới ở Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc, thể hiện cụ thể như sau:

Một là, Nhà nước Việt Nam ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam, của toàn thể dân tộc. Từ giữa thế kỷ XIX, khi đất nước bị ngoại xâm, các tầng lớp nhân dân Việt Nam, hết thế hệ này đến thế hệ khác đã không quản hy sinh, xương máu chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trở thành lực lượng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc, với chiến lược đại đoàn kết đúng đắn, sức mạnh của toàn dân tộc đã được tập hợp và phát huy cao độ, chiến thắng ngoại xâm, giành lại độc lập, tự do, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Nhà nước Việt Nam mới, do vậy, không phải của riêng giai cấp, tầng lớp nào, mà là thuộc về nhân dân.

Hai là, Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời đã xác định rõ và luôn kiên trì, nhất quán mục tiêu vì quyền lợi của nhân dân, lấy quyền lợi của dân tộc làm nền tảng. Bản chất của vấn đề này là ở chỗ, Hồ Chí Minh khẳng định quyền lợi cơ bản của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Nhà nước Việt Nam mới là người đại diện, bảo vệ, đấu tranh không chỉ cho lợi ích của giai cấp công nhân, mà còn của nhân dân lao động và của toàn dân tộc.

Ba là, trong thực tế, Nhà nước mới ở Việt Nam đã đảm đương nhiệm vụ mà toàn thể dân tộc giao phó là tổ chức nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới. Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đi đến

chủ nghĩa cộng sản là con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định, cũng là sự nghiệp của chính Nhà nước.

Nhà nước của nhân dân

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, nhà nước của nhân dân là nhà nước mà tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Người khẳng định: “Trong Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của chúng ta, tất cả mọi quyền lực đều là của nhân dân”. Nhà nước của dân tức là “dân là chủ”. Nguyên lý “dân là chủ” khẳng định địa vị chủ thể tối cao của mọi quyền lực là nhân dân.

Trong Nhà nước dân chủ, nhân dân thực thi quyền lực thông qua hai hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ trong đó nhân dân trực tiếp quyết định mọi vấn đề liên quan đến vận mệnh của quốc gia, dân tộc và quyền lợi của dân chúng. Hồ Chí Minh luôn coi trọng hình thức dân chủ trực tiếp bởi đây là hình thức dân chủ hoàn bị nhất, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hành dân chủ trực tiếp.

Cùng với dân chủ trực tiếp, dân chủ gián tiếp hay dân chủ đại diện là hình thức dân chủ được sử dụng rộng rãi nhằm thực thi quyền lực của nhân dân. Đó là hình thức dân chủ mà trong đó nhân dân thực thi quyền lực của mình thông qua các đại diện mà họ lựa chọn, bầu ra và những thiết chế quyền lực mà họ lập nên. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, trong hình thức dân chủ gián tiếp:

Quyền lực nhà nước là “thừa ủy quyền” của nhân dân. Tự bản thân nhà nước không có quyền lực. Quyền lực của nhà nước là do nhân dân ủy thác do. Do vậy, các cơ quan quyền lực nhà nước cùng với đội ngũ cán bộ của nó đều là “công bộc” của nhân dân, nghĩa là “gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân”. Ở đây, Hồ Chí Minh đã xác định rõ vị thế và mối quan hệ giữa nhân dân với cán bộ nhà nước trên cơ sở nhân dân là chủ thể nắm giữ mọi quyền lực. Theo Hồ Chí Minh: “Dân làm chủ thì Chủ tịch, Bộ trưởng, thứ trưởng, uỷ viên này uỷ viên khác là làm gì? Làm đầy tớ. Làm đầy tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng”; “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân”. Hồ Chí Minh kịch liệt phê phán những cán bộ nhà nước thoái hóa, biến chất, từ chỗ là công bộc của dân đã trở thành “quan cách mạng”, đứng trên nhân dân, coi khinh nhân dân, “cây thế” với dân, “quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân”.

Nhân dân có quyền kiểm soát, phê bình nhà nước, có quyền bãi miễn những đại biểu mà họ đã lựa chọn, bầu ra và có quyền giải tán những thiết chế quyền lực mà họ đã lập nên. Đây là quan điểm rõ ràng, kiên quyết của Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo cho mọi quyền lực, trong đó có quyền lực nhà nước, luôn nằm trong tay dân chúng. Một nhà nước thật sự của dân, theo Hồ Chí Minh, luôn “mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”; trong Nhà nước đó, “nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”, thậm chí, “nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”.

Luật pháp dân chủ và là công cụ quyền lực của nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, sự khác biệt căn bản của luật pháp trong Nhà nước Việt Nam mới với luật pháp của các chế độ tư sản, phong kiến là ở chỗ nó phản ánh được ý nguyện và bảo vệ quyền lợi của dân chúng. Luật pháp đó là của nhân dân, là công cụ thực thi quyền lực của nhân dân, là phương tiện để kiểm soát quyền lực nhà nước.

Nhà nước do nhân dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà nước do nhân dân trước hết là nhà nước do nhân dân lập nên sau thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhân dân “cứ ra”, “tổ chức nên” nhà nước dựa trên nền tảng pháp lý của một chế độ dân chủ và theo các trình tự dân chủ với các quyền bầu cử, phúc quyết, v.v..

Nhà nước do nhân dân còn có nghĩa “dân làm chủ”. Người khẳng định rõ: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ”. Nếu “dân là chủ” xác định vị thế của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, thì “dân làm chủ” nhấn mạnh quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân với tư cách là người chủ. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, “nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bốn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân”. Nhân dân làm chủ thì phải tuân theo pháp luật của Nhà nước, tuân theo kỷ luật lao động, giữ gìn trật tự chung, đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung, hăng hái tham gia công việc chung, bảo vệ tài sản công cộng, bảo vệ Tổ quốc, v.v..

Trong nhà nước do nhân dân làm chủ, nhà nước phải tạo mọi điều kiện để nhân dân được thực thi những quyền mà Hiến pháp và pháp luật đã quy định, hưởng dụng đầy đủ quyền lợi và làm tròn nghĩa vụ làm chủ của mình. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.

Nhà nước do nhân dân cần coi trọng việc giáo dục nhân dân, đồng thời nhân dân cũng phải tự giác phấn đấu để có đủ năng lực thực hiện quyền dân chủ của mình. Hồ Chí Minh nói: “Chúng ta là những người lao động làm chủ nước nhà. Muốn làm chủ được tốt, phải có năng lực làm chủ”. Không chỉ tuyên bố quyền làm chủ của nhân dân, cũng không chỉ đưa nhân dân tham gia công việc nhà nước, mà còn chuẩn bị và động viên nhân dân chuẩn bị tốt năng lực làm chủ, quan điểm đó thể hiện tư tưởng dân chủ triệt để của Hồ Chí Minh khi nói về nhà nước do nhân dân.

Nhà nước vì nhân dân

Nhà nước vì dân là nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần kiệm liêm chính. Hồ Chí Minh là một vị Chủ tịch vì dân và Người yêu cầu các cơ quan nhà nước, các cán bộ nhà nước đều phải vì nhân dân phục vụ. Người nói: "Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh". Theo Hồ Chí Minh, thước đo một Nhà nước vì dân là phải được lòng dân. Hồ Chí Minh đặt vấn đề với cán bộ Nhà nước phải “làm sao cho được lòng dân, dân tin, dân mến, dân yêu”, đồng thời chỉ rõ: “muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thảy, phải có một tinh thần chí công vô tư”. Trong Nhà nước vì dân, cán bộ vừa là đầy tớ, nhưng đồng

thời phải vừa là người lãnh đạo nhân dân. Hai đòi hỏi này tưởng chừng như mâu thuẫn, nhưng đó là những phẩm chất cần có ở người cán bộ nhà nước vì dân. Là đầy tớ thì phải trung thành, tận tụy, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Là người lãnh đạo thì phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài. Như vậy, để làm người thay mặt nhân dân phải gồm đủ cả đức và tài, phải vừa hiền lại vừa minh. Phải như thế thì mới có thể “chẳng những làm những việc trực tiếp có lợi cho dân, mà cũng có khi làm những việc mới xem qua như là hại đến dân”, nhưng thực chất là vì lợi ích toàn cục, vì lợi ích lâu dài của nhân dân.

c. Vận dụng.

Đại hội Đảng lần thứ XIII đã xác định: "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị."

Cần đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước; bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý nhà nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội.

Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân. Phải xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở kiểm soát quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền.

Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Đẩy mạnh dân chủ hoá công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, cố trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp để thực thi đầy đủ trách nhiệm công vụ, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới.

Câu 5. Quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò của đại đoàn kết dân tộc. Vận dụng: trách nhiệm SV trong việc xây dựng khối đại đoàn kết và dân tộc hiện nay.

a. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của đại đoàn kết dân tộc thể hiện ở các vấn đề chính sau:

Thứ nhất, đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng:

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết toàn dân tộc không phải là sách lược hay thủ đoạn chính trị mà là chiến lược lâu dài, nhất quán của cách mạng Việt Nam.

Đây là vấn đề mang tính sống còn của dân tộc Việt Nam nên chiến lược này được duy trì cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong mỗi giai đoạn cách mạng, trước những yêu cầu và nhiệm vụ khác nhau, chính sách và phương pháp tập hợp đại

đoàn kết có thể và cần thiết phải điều chỉnh cho phù hợp với từng đối tượng khác nhau song không bao giờ được thay đổi chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc, vì đó là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng.

Từ thực tiễn xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Hồ Chí Minh đã khái quát thành nhiều luận điểm mang tính chân lý về vai trò và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc: “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta”, “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”, “Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi”, “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công” “Bây giờ còn một điểm rất quan trọng, cũng là điểm mấu chốt. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt: Đó là đoàn kết”. Người đã đi đến kết luận:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công”

Thứ hai, đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam:

Đối với Hồ Chí Minh, đại đoàn kết không chỉ là khẩu hiệu chiến lược mà còn là mục tiêu lâu dài của cách mạng. Đảng là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam nên tất yếu đại đoàn kết toàn dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng và nhiệm vụ này phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách, tới hoạt động thực tiễn của Đảng. Trong lời kết thúc buổi ra mắt Đảng Lao động Việt Nam ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh tuyên bố: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong tám chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC”.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng và vì quần chúng. Đại đoàn kết là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, là đòi hỏi khách quan của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng bởi nếu không đoàn kết thì chính họ sẽ thất bại trong cuộc đấu tranh vì lợi ích của chính mình. Nhận thức rõ điều đó, Đảng Cộng sản phải có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng, chuyển những nhu cầu, những đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức trong khối đại đoàn kết, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc, tự do cho nhân dân và hạnh phúc cho con người.

Tóm lại, đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ của Nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam.

b. Trách nhiệm của sinh viên trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Trước hết sinh viên cần nhận thức rõ về vai trò của đại đoàn kết dân tộc, quán triệt tư tưởng đại đoàn kết là vấn đề sống còn của dân tộc, từ đó ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy tính năng động của bản thân, tinh thần tự lực tự cường, vượt qua mọi thách thức.

Sinh viên cũng cần hiểu được về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với thực hiện Chỉ thị số 05- CT/TW của Bộ chính trị về “Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Đại đoàn kết là sự nghiệp của cả dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là Đảng Cộng sản Việt Nam, được thực hiện bằng nhiều hình thức; trong đó chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Sinh viên cần gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân: tuyên truyền, vận động gia đình và nhân dân trên địa bàn thực hiện tốt chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước; bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của công dân, phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Trong đời sống, sinh viên cần tích cực tham gia các tổ chức chính trị xã hội nhằm tuyên truyền cho mọi người về tư tưởng đại đoàn kết toàn dân (mặt trận tổ quốc Việt Nam, Hội sinh viên, Đoàn thanh niên. . .).

Câu 6. Quan điểm Hồ Chí Minh về các chuẩn mực đạo đức cách mạng: Trung với nước, hiếu với dân; Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Vận dụng: liên hệ với việc rèn luyện đạo đức nhân dân hiện nay.

a. Trung với nước, hiếu với dân

Trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất đạo đức bao trùm quan trọng nhất và chi phối các phẩm chất đạo đức khác. Trung, hiếu là những khái niệm đã có trong tư tưởng đạo đức truyền thống Việt Nam và phương Đông, phản ánh mối quan hệ lớn nhất và cũng là phẩm chất bao trùm nhất: “Trung với vua, hiếu với cha mẹ”. Phẩm chất này được HCM sử dụng với những nội dung mới, rộng lớn hơn “Trung với nước, hiếu với dân”.

Trung với nước là trung thành với tổ quốc, với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Hiếu với dân là phải thương dân, tin dân, thân dân, gần dân, dựa hẳn vào dân, học hỏi dân, lấy trí tuệ ở dân, kính trọng dân, lấy dân làm gốc.

Tư tưởng “trung với nước, hiếu với dân” của HCM không những kế thừa giá trị của chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc, mà còn vượt những hạn chế của truyền thống đó.

b. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nội dung cốt lõi của đạo đức cách mạng, đó là phẩm chất đạo đức gắn liền với hoạt động hàng ngày của mỗi người. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư cũng là một biểu hiện của cụ thể của phẩm chất “trung với nước, hiếu với dân”.

Cần :

- Là cần cù, siêng năng, chăm chỉ. Nhưng là siêng năng chăm chỉ phải có kế hoạch, có hiệu quả, có năng suất cao trong lao động.

Cần trong đạo đức Hồ Chí Minh lan tỏa đến các lĩnh vực khác của xã hội, nó phục vụ cho mục tiêu, chính trị, kinh tế và văn hóa của cách mạng. Ai đã cần trong đạo đức thì sẽ cần trong lao động, học tập.

Kiệm :

- Theo tư tưởng Hồ Chí Minh kiệm là phải tiết kiệm thời gian, của cải, công sức của dân, của nước .

Kiệm còn là không được xa xỉ, hoang phí, phô trương hình thức.

Hồ Chí Minh yêu cầu kiệm phải đi liền với cần, bởi cần mà không kiệm cũng giống như thùng không đáy

Liêm :

- Là trong sạch, không tham lam. Là tôn trọng của công, của dân, của nước .

Chữ liêm theo tư tưởng Hồ Chí Minh trái ngược với các ham muốn tầm thường của chủ nghĩa cá nhân. Chỉ có chữ ham mà Hồ Chí Minh muốn ai cũng phải có là ham học, ham làm, ham tiến bộ .

Chính :

- Là thẳng thắn, đúng đắn . Chính qui định tư cách con người, tư cách người cách mạng . Chính đối lập với gian tà, xảo trá .

Hồ Chí Minh yêu cầu tư cách người cách mạng :

- Đối với mình : không tự cao, tự đại, phải khiêm tốn học hỏi, phát triển cái hay, sửa chữa cái dở .
- Đối với người : không xu nịnh người trên, không ghét người dưới, thật thà không dối trá .
- Đối với việc : phải đề việc công trên việc tư, việc thiện thì nhỏ mấy cũng phải làm, việc ác nhỏ mấy cũng phải trách .

Chí công vô tư :

- Là công bằng, công tâm, không thiên tư, thiên vị
- Là vì dân, vì nước, lo cho dân trước, lo cho nước trước

Theo Hồ Chí Minh thực chất của chí công vô tư là chủ nghĩa tập thể, là nối tiếp của cần, kiệm, liêm, chính .

Hồ Chí Minh cho rằng chí công vô tư là phải nêu cao chủ nghĩa tập thể, từ bỏ chủ nghĩa cá nhân .

- Chủ nghĩa tập thể đối lập với chủ nghĩa cá nhân.
- Chủ nghĩa cá nhân là lối sống ích kỷ, thu vén cho riêng mình, chỉ thấy công lao của mình . Nó là vết tích của xã hội cũ, đồng minh của đế quốc, là thứ vi trùng độc ác . Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm, là kẻ thù gian xảo, quỷ quyệt .

Hồ Chí Minh kết luận : chủ nghĩa xã hội không thể thắng lợi nếu không loại trừ chủ nghĩa cá nhân .

Chủ trương chống chủ nghĩa cá nhân để nâng cao đạo đức cách mạng nhưng Hồ Chí Minh yêu cầu phải tôn trọng lợi ích cá nhân, tôn trọng nhu cầu, đời sống riêng chính đáng của mỗi người .

c. Liên hệ việc rèn luyện đạo đức nhân dân hiện nay.

Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức cách mạng, nêu cao chủ nghĩa tập thể, tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân. Để thích ứng với nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, một nền đạo đức mới đã và đang hình thành. Đó là nền đạo đức vừa phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc như yêu nước, thương người, sống nghĩa tình trọn vẹn, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư với những yêu cầu mới, những nội dung mới. Do đòi hỏi của dân tộc và thời đại, nhờ đó phần lớn sinh viên vẫn giữ được lối sống tình nghĩa, trong sạch, lành mạnh, khiêm tốn, luôn cần cù và sáng tạo trong học tập, sống có bản lĩnh, có chí lập thân, lập nghiệp, năng động nhạy bén, dám đối mặt với những khó khăn thách thức.

Bên cạnh đó do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, do sự bùng phát của lối sống thực dụng, chạy theo danh lợi, bất chấp đạo lý đã dẫn đến những tiêu cực trong xã hội như đã có một bộ phận thanh niên, trong đó có không ít sinh viên phai nhạt niềm tin, lý tưởng, mất phương hướng phấn đấu, không có chí lập thân, lập nghiệp; chạy theo lối sống thực dụng, sống thử, sống dựa dẫm, thiếu trách nhiệm, thờ ơ với gia đình và xã hội, sa vào nghiện ngập, hút sách, thiếu trung thực, gian lận trong thi cử, chạy điểm, chạy thầy, chạy trường, mua bằng cấp. Đây là những thách thức rất lớn, làm cản trở thanh niên phát triển bản thân, phát triển đất nước.

Sinh viên là thế hệ tương lai của đất nước, chúng ta không chỉ luôn cố gắng nỗ lực trong học tập , sáng tạo tìm tòi cái mới mà song song với đó cần luôn luôn tu dưỡng đạo đức bản thân. Muốn vậy, ta cần phải: thấm nhuần tư tưởng đạo đức HCM thông qua các bài học trên lớp, các phương tiện truyền thông. Dành thời gian thỏa đáng để tìm hiểu đạo đức, tư tưởng HCM về tinh thần, trách nhiệm, nói đi đôi với làm; thực hành tư tưởng đạo đức HCM, tự soi mình, sửa mình, rèn luyện các phẩm chất đạo đức; tích cực tham gia các phong trào của Đoàn TN, Hội SV, phấn đấu rèn luyện đạt danh hiệu SV5T, phấn đấu trở thành tấm gương sáng về tinh thần trách nhiệm, tính trung thực, nói đi đôi với làm, xây đi đôi với chống; tu dưỡng đạo đức suốt đời, không chỉ giới hạn trong một giai đoạn của cuộc đời, rèn luyện đạo đức hàng ngày và trong mọi hoạt động thực tiễn của bản thân bởi lẽ phải đấu tranh rèn luyện bền bỉ thì mới thành được.

Câu 7. Quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa. Vận dụng: liên hệ trách nhiệm của sinh viên trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa – dân tộc.

a. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng.

Mục tiêu của Hồ Chí Minh về văn hóa cũng giống như mục tiêu của chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng giống như mục tiêu của toàn thể dân tộc Việt Nam: Đó là độc lập dân tộc và CNXH. Tuy nhiên trên lĩnh vực văn hóa, cụ thể hóa ra thành:

- + Quyền được sống, quyền sung sướng, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.
- + Đó là khát vọng của nhân dân về các giá trị: Chân, thiện, mỹ
- + Đó là xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, ai cũng có cơm ăn, áo mặc,.. .
- + Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, con người có điều kiện phát triển toàn diện.

Động lực: Văn hóa là động lực cho sự thúc đẩy của kinh tế, chính trị và xã hội. Ở góc độ:

- + Văn hóa chính trị: Soi đường, mở đường cho quốc dân đi, lãnh đạo nhân dân thực hiện độc lập, tự chủ.
- + Văn hóa văn nghệ: góp phần nâng cao lòng yêu nước, lý tưởng, tình cảm cách mạng.
- + Văn hóa giáo dục: Diệt giặc đói, xóa mù chữ, giúp con người hiểu được các quy luật của xã hội.
- + Văn hóa đạo đức, lối sống: Nâng cao phẩm chất, phong cách lành mạnh hướng đến chân, thiện, mỹ.

Văn hóa là một mặt trận.

Mặt trận văn hóa là cuộc đấu tranh cách mạng trên lĩnh vực văn hóa.

Đấu tranh trên các lĩnh vực: tư tưởng, đạo đức, lối sống,.. . của các hoạt động văn nghệ, báo chí, công tác lý luận, đặc biệt là định hướng giá trị Chân, Thiện, Mỹ.

Anh em nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận – có nhiệm vụ phụng sự tổ quốc và nhân dân.

Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân

Mọi hoạt động của văn hóa phải trở về cuộc sống thực tại của quần chúng, phản ánh tư tưởng và khát vọng của quần chúng,

Văn hóa phải miêu tả cho hay, cho thật, cho hùng hồn. Phải trả lời được câu hỏi. Viết cho ai? Viết vì mục đích gì? Viết như thế nào?

Viết phải thiết thực, tránh cái lối rau muống. Nói ít, nói cho chắc chắn, thấm thía. . .

b. Liên hệ.

+ Văn hóa giữ vị trí đặc biệt và vai trò quan trọng trong sự điều tiết, vận động mọi mặt của xã hội; là động lực trực tiếp thúc đẩy sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội; kích thích sự sáng tạo và đánh thức những năng lực tiềm ẩn của con người. Nhân tố văn hóa không nằm ngoài kinh tế - xã hội hay chính trị, đồng thời là một bộ phận thiết yếu trong đường lối quân sự của chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Tóm lại, văn hóa có mặt và giữ vị trí trọng yếu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Trong điều kiện hiện nay, văn hóa thấm vào mọi mặt của đời sống xã hội, nhất là những người đang giữ vai trò trong sáng tạo khoa học; vào lĩnh vực chính trị với tư cách là văn hóa chính trị;

vào kinh tế với tư cách là văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp; vào tổ chức, quản trị và điều hành đất nước...

+ Văn hóa là động lực thúc đẩy kinh tế phát triển. Tác nhân văn hóa trong kinh tế làm cho kinh tế trở thành văn hóa kinh tế. Kinh tế được bảo đảm bởi văn hóa sẽ là kinh tế phát triển, cả trình độ và chất lượng, theo tính nhân văn, vì con người, phục vụ lợi ích của con người, của cộng đồng.

+ Văn hóa thúc đẩy vai trò của chính trị. Chính trị được bảo đảm bởi văn hóa, văn hóa chứ không đơn thuần là học vắn, sẽ là một nền chính trị nhân văn, vì con người.

+ Văn hóa giáo dục góp phần nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân, giúp cho đất nước phát triển, sánh vai với các cường quốc năm châu.